TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **406**/2025/HNGĐ-ST Ngày 24-9-2025 *V/v tranh chấp ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Xuân Hường;

Bà V Thị Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thu Hà- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 516/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2025 về *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2025/QĐXX-ST ngày 13/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2025/QĐHPT-ST ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1984; ĐKNKTT và cư trú: P402 B1 T, phường K, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ngU đơn: Luật sư Phạm Thị T- Công ty Luật TNHH H.A Law Group- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1980; ĐKNKTT: P402 B1 T, phường K, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: P305 D7, ngõ 4D Đặng Văn N, phường K, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ngU đơn chị Trần Thị Q trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Ngô Văn H đăng ký kết hôn ngày 17/4/2006 tại UBND xã P, thành phố H, tỉnh H (nay là phường S, Việt Nam Thịnh Vượng tỉnh H) trên cơ sở tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống dần dần mâu thuẫn trở nên nặng nề, vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề, chị Q cảm thấy không được tôn trọng. Đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, sau nhiều lần cố gắng hàn gắn không thành công, anh chị đã ly thân. Mặc dù đã được gia đình và bạn bè hòa giải nhưng do tình cảm đã hết nên

không thể tiếp tục sống chung. Chị Q thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc mà chỉ có mệt mỏi và áp lực, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Ngô Hoàng V, sinh ngày 02/4/2006; cháu Ngô Minh U, sinh ngày 02/8/2016 và cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 04/10/2021. Hiện nay cả 03 cháu đều đang sống cùng với chị Q. Cháu V đã thành niên nên việc cháu muốn ở với ai là do cháu tự quyết định. Ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi cháu D và cháu U vì các cháu còn nhỏ, là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Chị Q có điều kiện về tài chính cũng như chỗ ở tốt để có thể nuôi con. Chị Q đang làm kế toán và có mức thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra chị Q cũng bán hàng online để tăng thêm thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Chị Q có 01 căn nhà tại địa chỉ P402 B1 Tập thể Trung Tự, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của chị để mẹ con chị sinh sống ổn định lâu dài. Chị Q đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/01 tháng/01 con.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn H đã được triệu tập hợp lệ, được tống đạt các văn bản tố tụng của vụ án nhưng không có mặt theo triệu tập. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh H nhưng anh H vắng nhà nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa:

NgU đơn chị Trần Thị Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ngU đơn trình bày: Chị Q vẫn giữ ngU yêu cầu xin ly hôn anh Ngô Văn H. Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi cháu Ngô Minh U, cháu Ngô Ánh D và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: NgU đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,234 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Q. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Minh U và cháu Ngô Ánh D cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1

tháng/1 cháu kể từ tháng 10/2025 cho đến khi 02 con chung thành niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Q và anh Ngô Văn H đăng ký kết hôn ngày 17/4/2006 tại UBND xã Phú Cường, thành phố H, tỉnh H (nay là phường Sơn Nam, tỉnh H) do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Ngày 19/6/2025 chị Q, anh H gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình giải quyết vụ việc, chị Q trình bày anh H đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, vì vậy chị Q có đơn đề nghị Tòa án chuyển vụ việc thuận tình ly hôn thành vụ án tranh chấp ly hôn. Anh H hiện đăng ký thường trú và cư trú tại phường Kim Liên, thành phố Hà Nội nên yêu cầu của chị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 Hà Nội theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Anh Ngô Văn H đã được tống đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của ngU đơn và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, anh H hiện đang ở tại P305 D7, ngõ 4D Đặng Văn Ngữ, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội còn chị Q cùng các con đang ở tại P402 B1 Trung Tự, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội. Anh chị hiện đã sống ly thân, không cùng nhau xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Q xin ly hôn anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Ngô Hoàng V, sinh ngày 02/4/2006; cháu Ngô Minh U, sinh ngày 02/8/2016 và cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 04/10/2021. Cháu V đã thành niên nên việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi cháu U và cháu D. Xét cháu U và cháu D đều là con gái, đang ở lứa tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, hiện các cháu cũng đang ở với chị Q, để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cháu U và cháu D cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét yêu cầu của chị Q đề nghị

anh H phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu kể từ tháng 10/2025 đến khi các con thành niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Q. Chị Trần Thị Q được ly hôn anh Ngô Văn H.

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Ngô Hoàng V, sinh ngày 02/4/2006; cháu Ngô Minh U, sinh ngày 02/8/2016 và cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 04/10/2021. Cháu Ngô Hoàng V đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Ngô Minh U và cháu Ngô Ánh D cho chị Trần Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U và cháu D 3.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu kể từ tháng 10/2025 đến khi cháu U và cháu D thành niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác

Anh Ngô Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0062657 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Đống Đa, Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 2 Hà Nội). Chị Trần Thị Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Anh Ngô Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố HN;
- VKSND thành phố HN;
- VKSND khu vực 2 Hà Nội,
- Phòng THADS khu vực 2 Hà Nội;
- UBND phường Sơn Nam, tỉnh H (GCN kết hôn số 23/2006, quyển số 01 ngày 17/4/2006 của UBND xã Phú Cường, TP H, tỉnh H);
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thúy